

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 342/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-11-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan;

Bà Nguyễn Huỳnh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 571/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 345/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lưu Hoàng V, sinh năm 1983 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1986 (xin xét xử vắng mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 7 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn ông Lưu Hoàng V trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Ông Lưu Hoàng V và bà Nguyễn Cẩm T có thời quen biết, tìm hiểu nhau nên tiến đến hôn nhân vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Khi mới

kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là ông V đi ghe biển còn bà T ở nhà đi chơi với bạn bè và sau đó tự ý bỏ đi làm ở Bình Dương, bà T còn chụp hình với người đàn ông khác rồi đăng lên Facebook, hiện vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân bà T có người đàn ông khác. Xét thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn hôn nhân nên ông V yêu cầu ly hôn với bà T.

- Về con chung: Có người 02 con tên Lưu Tường V1, sinh ngày 04/7/2005 (nữ) và Lưu Thiết Th, sinh ngày 24/10/2008 (nam), hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, các con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Cẩm T trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Cẩm T đồng ý ly hôn với ông Lưu Hoàng V.

- Về con chung: Có người 02 con tên Lưu Tường V1, sinh ngày 04/7/2005 (nữ) và Lưu Thiết Th, sinh ngày 24/10/2008 (nam), hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, các con có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Lưu Hoàng V và bị đơn bà Nguyễn Cẩm T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Ông Lưu Hoàng V và bà Nguyễn Cẩm T có thời quen biết, tìm hiểu nhau nên tiến đến hôn nhân vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46 ngày 04 tháng 5 năm 2016. Vì vậy, quan hệ hôn

nhân của ông V và bà T được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, ông V xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là ông V đi ghe biển còn bà T ở nhà đi chơi với bạn bè và sau đó tự ý bỏ đi làm ở Bình Dương, bà T còn chụp hình với người đàn ông khác rồi đăng lên Facebook, hiện vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân bà T có người đàn ông khác. Mặt khác, bà T có đơn xin vắng mặt ngày 13/10/2020 cũng thể hiện ý kiến là đồng ý ly hôn với ông V, nhưng không nói lý do gì và bà T đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bà T vẫn vắng mặt, từ đó cho thấy bà T cũng không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông V. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông V và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V. Ông V được ly hôn với bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Ông V và bà T xác định có người 02 con tên Lưu Tường V1, sinh ngày 04/7/2005 (nữ) và Lưu Thiết Th, sinh ngày 24/10/2008 (nam), hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, ông V và bà T yêu cầu Tòa án xem xét theo nguyện vọng của các con, các con có nguyện vọng sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã nhận được văn bản ghi ý kiến của cháu Lưu Tường V1 và cháu Lưu Thiết Th thì cháu V1 có nguyện vọng sống chung với mẹ (bà T), còn cháu Th thì có nguyện vọng sống chung với cha (ông V) nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Giao cháu Lưu Tường V1, sinh ngày 04/7/2005 (nữ) cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Giao cháu Lưu Thiết Th, sinh ngày 24/10/2008 (nam) cho ông V nuôi dưỡng và chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên ông V phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lưu Hoàng V. Ông Lưu Hoàng V được ly hôn với bà Nguyễn Cẩm T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Nguyễn Cẩm T nuôi dưỡng và chăm sóc con tên Lưu Tường V1, sinh ngày 04/7/2005 (nữ). Giao cho ông Lưu Hoàng V nuôi dưỡng và chăm sóc con tên Lưu Thiết Th, sinh ngày 24/10/2008 (nam).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, ông V phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, ông V có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004097 ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- UBND xã Lợi An, H. Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo